TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 01 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên;

2. Ông Trần Trung Hiếu.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 479/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/01/2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1992; thường trú: Ấp H, phường N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Số F đường N, khu phố D, phường Q, thành phố B, Tỉnh Đồng Nai; (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2/ Bị đơn: Anh Mai Xuân T1, sinh năm 1989; thường trú: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên; tạm trú: Tầng B29.04 tầng 29, Block B, Chung cư P, D L, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc T và anh Mai Xuân T1 kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 25/5/2020. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại thành phố D, tỉnh Bình Dương. Qúa trình chung sống anh, chị không hạnh phúc do phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung. Trong cuộc sống

hôn nhân anh, chị không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc nhau. Hai vợ chồng thường xuyên cãi vả dẫn đến không khí trong gia đình ngột ngạt, luôn căng thẳng. Anh, chị đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành nên đã sống ly thân. Nay nhận thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Mai Xuân T1.

Về con chung: Chị T khai không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Mai Xuân T1:* Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, lấy lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Ngày 22/12/2023, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Ngọc T và anh Mai Xuân T1 tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường A và được cung cấp như sau*: Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án, chị Trần Thị Ngọc T không có đơn yêu cầu Hội liên hiệp phụ nữ phường A tiến hành hòa giải. Hội liên hiệp phụ nữ phường A, thành phố D cũng không có thông tin trình báo về mâu thuẫn giữa vợ, chồng chị Trần Thị Ngọc T và anh Mai Xuân T1. Vì vậy, về tình trạng quan hệ hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mẫu thuẫn giữa anh, chị H liên hiệp phụ nữ phường A không biết được.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227, 228 và 238 đề nghị xét xử vắng mặt tất cả các đương sự nêu trên. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 05/01/2024 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc T và anh Mai Xuân T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 25/5/2020 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Chị T xác định trong quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cả hai không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc nhau. Mặc dù đã tìm cách giải quết những mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên anh, chị đã sống ly thân. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội liên hiệp phụ nữ phường A nhưng Hội liên hiệp phụ nữ không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ, chồng chị T và anh T1. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh T1 đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T1 không đến. Do đó, căn cứ vào lời khai của chị T có cơ sở xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng và cả hai đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T tự khai không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc T chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T về tranh chấp ly hôn với bị đơn anh Mai Xuân T1.

1.1/ Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc T được ly hôn với anh Mai Xuân T1 [Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/5/2020].

1.2/ Về con chung: Đương sự tự khai không có con chung.

1.3/ Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001412 ngày 20/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương